

Số: 355/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 03 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 300/2020/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Cao Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lê Thanh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Công nhận cháu Lê Đăng H, sinh ngày 12/3/2014 và cháu Lê

Đặng H1, sinh ngày 11/7/2015 là con chung của chị Cao Thị N và anh Lê Thanh T.

Chị N và anh T thống nhất: Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Đăng H và cháu Lê Đăng H1. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh T có quyền, nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản và công nợ:** Chị Cao Thị N, anh Lê Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị N tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0010075 ngày 29/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa.*
- *UBND xã Q;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân